
Bản án số: 41/2017/DS-ST

Ngày 7-9-2017

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Bé là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 7 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST-**DS**, ngày 28 tháng 6 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị V – Sinh năm 1966

Địa chỉ: số 84 M, Khu phố L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Trần Hồng T – Sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị L – Sinh năm 1978

Địa chỉ: số 94/6 C, Phường V, Thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị Phan Thị Bé H – Sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu khởi kiện đề ngày 28/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày như sau:

Vào ngày 20/9/2016 (âm lịch) bà có cho bà Trần Hồng T vay số tiền 20.000.000đồng không có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận tháng đầu không tính lãi, nếu đề qua tháng thứ 2 thì tính lãi theo lãi suất cầm xe là 5%/tháng. Từ ngày vay cho đến nay bà T đã đóng lãi cho bà được 2.500.000đồng thì ngưng không đóng lãi và trả gốc thêm đồng nào, bà có gặp bà Thủy yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng bà Thủy không trả, trong thời gian thiếu nợ bà có trực tiếp nói chuyện điện thoại với con gái của bà Trần Hồng T tên Phan Thị Bé H và chị Bé

H hứa sẽ cùng mẹ trả tiền cho bà nhưng vẫn không thực hiện. Bà có yêu cầu Ban lãnh đạo ấp P, xã V giải quyết nhưng không thành nên bà làm đơn khởi kiện ra Tòa.

Nguyên vọng của bà V trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà V cũng xác định số tiền này không liên quan đến chồng bà T nên bà không yêu cầu đưa chồng bà T vào tham gia tố tụng trong vụ kiện này. Bà cũng không có chứng cứ chứng minh việc chị Bé H hứa trả tiền cho bà. Bà V không đồng ý Tòa án xem xét tính lại số tiền lãi mà bà T đã đóng cho bà là 2.500.000đồng. Bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Hồng T và chị Phan Thị Bé H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền gốc 20.000.000đồng và lãi suất theo lãi Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày vay 20/10/2016 (nhằm ngày 20/9/2016 âm lịch) tính đến ngày xét xử là ngày 07/9/2017 là 10 tháng 18 ngày $\times 20.000.000\text{đồng} \times 0,75\% = 1.590.000\text{đồng}$, phải trả đủ một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Hồng T trình bày: Bà thống nhất một phần lời trình bày của bà Trần Thị V về thời gian vay tiền, về số tiền vay là 20.000.000đồng và số tiền đóng lãi là 2.500.000đồng. Bà T khai vào ngày 29/12/2016 (âm lịch) bà có gửi số tiền 20.000.000đồng cho bà Trần Thị L (Em ruột của bà và bà V) để trả cho bà V nhưng không biết lý do gì mà bà L giữ lại không chịu trả tiền cho bà V. Số tiền này là do bà trực tiếp vay thì bà sẽ chịu trách nhiệm trả không có liên quan đến chồng và con bà. Đối với số tiền bà gửi bà L thì để bà và bà L tự giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Nguyên vọng: Tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà V bằng 2.500.000đồng nếu có dư thì bà yêu cầu trừ vào số tiền gốc còn lại bao nhiêu thì bà đồng ý trả đủ cho bà V nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin hẹn đến tháng 3/2018 sẽ trả đủ một lần cho bà V, đồng thời bà yêu cầu bà V không tính lãi nữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị L trình bày bà là em ruột của bà V và bà T. Bà thừa nhận vào ngày mùng 6 tết năm 2017 bà T có gửi cho bà 20.000.000đồng để trả cho bà V nhưng bà không trả lý do là vì bà V còn thiếu tiền bà, do bà V không thừa nhận và bà cũng không có chứng cứ gì chứng minh nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền bà V nợ bà. Còn số tiền bà đã nhận của bà T thì bà đồng ý trả lại cho bà T nhưng để bà và bà T tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Chị Phan Thị Bé H trình bày: Người trực tiếp vay tiền của bà V và trực tiếp đóng lãi cho bà V là bà Trần Hồng T (mẹ ruột chị) nên chị không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà V. Số tiền này là mẹ chị nợ thì mẹ chị sẽ chịu trách nhiệm trả chị không liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị L và chị Phan Thị Bé H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà L và chị Bé H là phù hợp với quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Trần Thị V và bà Trần Hồng T là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 BLDS còn trong thời hiệu khởi kiện đúng theo quy định pháp luật. Do bà V và bà T đều thừa nhận là bà V có cho bà T vay 20.000.000đồng, bà T đã đóng lãi được 2.500.000đồng nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định đây là sự thật.

[2] Về nội dung: Vào ngày 20/9/2016 (âm lịch) bà Trần Thị V có cho bà Trần Hồng T vay số tiền gốc là 20.000.000đồng không có làm biên nhận giấy tờ, bà T đã đóng lãi cho bà V được 2.500.000đồng rồi ngưng không đóng lãi và trả gốc thêm đồng nào, bà V có trực tiếp gặp bà T yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng bà T chỉ hứa mà không thực hiện. Với việc tự nguyện giao kết hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là phù hợp theo Điều 463 Bộ luật dân sự và phát sinh hiệu lực thi hành nhưng do bà T đã vi phạm thời gian trả nợ nên bà V khởi kiện ra tòa yêu cầu bà T trả nợ là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, đối với thỏa thuận lãi suất 5%/tháng là quá cao cần điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi đã đóng cho bà V là có căn cứ chấp nhận. HĐXX xét thấy về thời gian vay được hai bên xác định là ngày 20/10/2016 (nhằm ngày 20/9/2016 âm lịch) tính đến ngày xét xử là ngày 07/9/2017 là 10 tháng 18 ngày nên số tiền lãi được tính như sau: $20.000.000\text{đồng} \times 10\text{ tháng } 18\text{ ngày} \times 0,75\% = 1.590.000\text{đồng}$ nhưng bà T đã đóng lãi cho bà V 2.500.000đồng là cao hơn so với quy định pháp luật 910.000đồng số tiền này được tiếp tục khấu trừ vào phần gốc nên HĐXX xử buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà V 19.090.000đồng là phù hợp.

Xét yêu cầu của bà V là yêu cầu chị Phan Thị Bé H phải có nghĩa vụ cùng với bà T trả số tiền cho bà V nhưng không được phía bà Bé H chấp nhận và tại phiên tòa bà V cũng thừa nhận không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc chị Bé H có liên quan đến số tiền nợ này nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà T về thời gian trả nợ bà xin hện đến tháng 3/2018 sẽ trả đủ số tiền trên cho bà V nhưng không được bà V chấp nhận nên HĐXX không có cơ sở xem xét mà cần áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho bà V là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch trong tổng số tiền phải trả là $19.090.000\text{đồng} \times 5\% = 954.500\text{đồng}$ buộc bà Trần Hồng T phải nộp.

Án phí trên số tiền không được HĐXX chấp nhận ($21.590.000\text{đồng} - 19.090.000\text{đồng}$) $\times 5\% = 125.000\text{đồng}$ buộc bà V phải chịu nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã đóng 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005284 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà V còn được nhận lại

375.000đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự và khoản 1, 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Buộc bà Trần Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị V số tiền 19.090.000đồng (Mười chín triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T chưa trả đủ số tiền nêu trên thì bà T còn phải chịu lãi suất theo mức lãi cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Về án phí dân sự có giá ngạch buộc bà Trần Hồng T phải nộp 954.500đồng (Chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Bà V còn được nhận lại 375.000đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005284 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3/ Báo cho bà Vân và bà Thủy biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Báo cho bà L và chị Bé H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

-Tòa án tỉnh Kiên Giang;

-VKS huyện;

-Chi cục THADS huyện;

- UBND xã;

-Các đ-ơng sự;

-L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh

